

LỆNH của Chủ tịch nước số 38-L/CTN ngày 10-12-1994 công bố Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả, Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông và Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn.

**CHỦ TỊCH NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,

NAY CÔNG BỐ:

1. Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1994.

2. Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1994.

3. Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1994.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
LÊ ĐỨC ANH

PHÁP LỆNH Bảo hộ quyền tác giả.

Để bảo hộ quyền tác giả, góp phần thúc đẩy việc sáng tạo các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, phát triển nền văn hóa dân tộc, hiện đại, nhân văn, mở rộng sự hợp tác và giao lưu văn hóa, khoa học với các nước;

Căn cứ vào Điều 60 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Pháp lệnh này quy định về bảo hộ quyền tác giả.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.-

1. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ tác phẩm hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

2. Những người sau đây cũng được công nhận là tác giả:

- Người dịch tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác;

- Người phóng tác từ tác phẩm đã có, người cải biên, chuyển thể từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác;

- Người biên soạn, chú giải, tuyển chọn các tác phẩm của người khác thành tác phẩm có tính sáng tạo.

Điều 2. - Quyền tác giả là các quyền về tinh thần và vật chất của tác giả.

Điều 3. - Nhà nước bảo hộ quyền tác giả đối với:

1. Tác phẩm của công dân, tổ chức Việt Nam đã công bố hoặc chưa công bố;

2. Tác phẩm của tác giả nước ngoài chưa được công bố mà lần đầu tiên được công bố ở Việt Nam hoặc được công bố ở Việt Nam trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên ở nước khác, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú của tác giả.

Tác phẩm của tác giả nước ngoài đã công bố ở nước ngoài được phổ biến tại Việt Nam được bảo hộ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 4.- Nhà nước bảo hộ quyền tác giả các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, không phân biệt hình thức thể hiện. Bao gồm:

1. Tác phẩm viết;
2. Các bài giảng, bài phát biểu và tác phẩm được diễn đạt bằng lời nói;
3. Tác phẩm sân khấu;
4. Tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-di-ô;
5. Tác phẩm nhiếp ảnh;
6. Tác phẩm âm nhạc;
7. Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
8. Tác phẩm kiến trúc;
9. Phần mềm máy tính;
10. Công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình;
11. Các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
12. Tác phẩm dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể;
13. Tuyển tập, hợp tuyển;
14. Tác phẩm khác được pháp luật quy định bảo hộ.

Tác phẩm được bảo hộ phải là bản gốc.

Điều 5. - Nhà nước bảo hộ quyền tác giả đối với tác giả đăng ký tên thật hoặc bút danh cùng với tác phẩm của mình tại cơ quan bảo hộ quyền tác giả. Nhà nước cũng bảo hộ quyền tác giả theo quy định của Pháp lệnh này đối với tác giả không đăng ký nhưng có yêu cầu được bảo hộ.

Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Điều 6. - Pháp lệnh này không áp dụng đối với:

1. Văn bản của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và bản dịch của những văn bản đó;
2. Tin tức thời sự.

Quyền tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

Điều 7. - Tác giả, người sở hữu quyền tác giả quy định tại Điều 24 của Pháp lệnh này, phải tuân theo các quy định của pháp luật khi sử dụng quyền tác giả.

Nhà nước không bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm có nội dung sau đây:

1. Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;
2. Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hóa phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;
3. Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định;
4. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Điều 8. - Việc bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian do Chính phủ quy định.

Điều 9. - Trong Pháp lệnh này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tác phẩm đồng tác giả* là tác phẩm do hai người trở lên cùng sáng tạo ra
2. *Phần mềm máy tính* là một hoặc một nhóm chương trình được biểu hiện dưới dạng chuỗi lệnh viết theo một ngôn ngữ lập trình nào đó và các tệp dữ liệu có liên quan, chỉ dẫn cho máy tính hoặc hệ thống tin học biết phải làm gì để thực hiện nhiệm vụ đã được đề ra. Phần mềm máy tính có thể được cài đặt ngay trong máy tính hoặc được lưu trữ ở ngoài máy tính dưới các hình thức khác nhau như văn bản, đĩa từ, đĩa quang.
3. *Tác phẩm di cảo* là tác phẩm của người chết để lại chưa được công bố.
4. *Tác phẩm đã công bố* là tác phẩm được trình bày trước công chúng dưới dạng thuyết trình, trưng bày, xuất bản, biểu diễn, phát thanh, truyền hình.
5. *Tác phẩm phỏng tác* là tác phẩm được sáng tạo ra dựa theo nội dung của một tác phẩm khác.
6. *Tác phẩm cải biên* là tác phẩm viết lại từ một tác phẩm đã có.

7. Tác phẩm chuyên thể là tác phẩm chuyên từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác.

8. Tác phẩm tuyển tập là tác phẩm được tuyển chọn từ nhiều tác phẩm riêng rẽ của một tác giả.

9. Tác phẩm hợp tuyển là tác phẩm được tuyển chọn từ các tác phẩm của nhiều tác giả.

10. Tác phẩm biên soạn là tác phẩm được tuyển chọn theo một chủ đề có thể bình luận, đánh giá.

11. Bản gốc là bản sáng tác hoàn chỉnh đầu tiên của tác giả.

Chương II

QUYỀN TÁC GIẢ

Mục 1. QUYỀN CỦA TÁC GIẢ

Điều 10. - Tác giả có các quyền sau đây:

1. Sở hữu đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra;
2. Đứng tên hoặc bút danh trên tác phẩm của mình; được nêu tên hoặc bút danh khi tác phẩm được sử dụng;
3. Được bảo hộ sự toàn vẹn tác phẩm, cho hoặc không cho người khác sửa đổi tác phẩm của mình;
4. Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình;
5. Hưởng nhuận bút hoặc thù lao khi tác phẩm được sử dụng;
6. Cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm của mình và được hưởng lợi ích vật chất từ việc cho sử dụng tác phẩm.

Điều 11. - Đối với tác phẩm đồng tác giả, thì quyền tác giả thuộc sở hữu chung của các tác giả.

Trường hợp tác phẩm gồm các phần riêng biệt, có thể tách ra để sử dụng độc lập, thì tác giả có quyền sử dụng độc lập và hưởng các quyền tác giả đối với phần tách riêng đó, nếu các đồng tác giả không có thỏa thuận khác.

Điều 12. - Đối với tác phẩm do tập thể sáng tạo mà có chủ biên thì:

1. Chủ biên được hưởng các quyền quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Pháp lệnh này.
2. Các tác giả khác được hưởng các quyền quy định tại các Khoản 1, 2 và 5 Điều 10 và Điều 11 của Pháp lệnh này và được hưởng lợi khi tác phẩm được sử dụng.

Điều 13. -

1. Đối với tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-di-ô, sân khấu thi đạo diễn, biên kịch, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ được hưởng các quyền quy định tại các Khoản 2, 3 và 5 Điều 10 và Điều 11 của Pháp lệnh này.
2. Cá nhân, tổ chức sản xuất ra tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-di-ô, sân khấu được hưởng các quyền quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này.

Điều 14. - Đối với tác phẩm sáng tạo trong phạm vi trách nhiệm của tác giả khi thực hiện nhiệm vụ được tổ chức giao hoặc theo hợp đồng thì tác giả có các quyền quy định tại các Khoản 2, 3 và 5 Điều 10 của Pháp lệnh này, nếu giữa tác giả và tổ chức giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng không có thỏa thuận khác; tổ chức giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng có các quyền quy định tại các Khoản 1, 4 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này.

Điều 15. - Người dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể được hưởng quyền tác giả theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 của Pháp lệnh này, nhưng phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Phải được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm gốc;
2. Không làm thay đổi nội dung tác phẩm gốc, nếu không được sự đồng ý của tác giả;
3. Phải ghi tên tác giả và tên tác phẩm gốc;
4. Trả thù lao cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.

Điều 16. - Cá nhân, tổ chức được sử dụng tác phẩm của người khác đã công bố, phổ biến nếu không nhằm mục đích kinh doanh, không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm và không xâm hại đến các quyền lợi khác của tác giả thì không phải xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu

quyền tác giả, không phải trả thù lao cho họ, nhưng phải ghi hoặc nhắc đến tên tác giả và nguồn gốc tác phẩm, trong các trường hợp sau đây:

1. Sao lại tác phẩm để sử dụng riêng;
2. Trích dẫn tác phẩm để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;
3. Trích dẫn tác phẩm để viết báo, để dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;
4. Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy, kiểm tra kiến thức trong nhà trường;
5. Sao lại tác phẩm để lưu trữ, dùng trong thư viện;
6. Dịch, phổ biến tác phẩm từ tiếng Việt sang tiếng các dân tộc thiểu số;
7. Biểu diễn các tác phẩm sân khấu, bài hát, bản nhạc trong các buổi sinh hoạt văn hóa, tuyên truyền cổ động ở nơi công cộng;
8. Ghi âm, ghi hình trực tiếp các buổi biểu diễn với tính chất đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;
9. Chụp ảnh, truyền hình nhằm giới thiệu hình ảnh tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng trưng bày ở nơi công cộng;
10. Chuyển các tác phẩm sang chữ nổi cho người mù.

Những quy định trên không áp dụng đối với việc sao lại tác phẩm kiến trúc dưới dạng công trình kiến trúc, sao lại tác phẩm tạo hình, sao lại phần mềm máy tính.

Mục 2. THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

Điều 17. -

1. Quyền tác giả phát sinh từ khi tác phẩm được sáng tạo ra dưới hình thức nhất định.
2. Quyền tác giả quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 10 của Pháp lệnh này được bảo hộ vô thời hạn.
3. Quyền tác giả quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này được bảo hộ trong suốt cuộc đời của tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết.
4. Quyền tác giả quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này, sau khi hết thời hạn bảo hộ, thuộc về Nhà nước.

Điều 18. - Đối với tác phẩm đồng tác giả, các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này được bảo hộ suốt cuộc đời của các đồng tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả cuối cùng chết.

Điều 19. - Năm tiếp theo năm tác giả chết quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Pháp lệnh này được tính từ ngày 1 tháng 1.

Điều 20.

1. Đối với tác phẩm di cảo thì các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này được bảo hộ trong thời hạn 50 năm, kể từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên.
2. Đối với tác phẩm không rõ tác giả hoặc tác giả không lộ tên thì quyền tác giả thuộc về Nhà nước. Trong thời hạn 50 năm, kể từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên, mà xác định được tác giả thì quyền tác giả được bảo hộ theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 21. - Đối với tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-đi-ô thì các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10, Điều 11 của Pháp lệnh này được bảo hộ trong thời hạn 50 năm, kể từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên.

Mục 3. CHUYỂN GIAO CÁC QUYỀN TÁC GIẢ

Điều 22. - Tác giả có quyền chuyển giao một phần hoặc toàn bộ các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này cho cá nhân, tổ chức hoặc Nhà nước dưới hình thức văn bản.

Điều 23. -

1. Sau khi tác giả chết, người thừa kế quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này. Trường hợp không có người thừa kế hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế, người thừa kế bị tước quyền thừa kế, thì các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này thuộc về Nhà nước.
2. Trường hợp người thừa kế của tác giả chết trong thời hạn 50 năm, người thừa kế tiếp theo được hưởng các quyền quy định tại các Khoản 1,

4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này cho đến hết 50 năm.

Điều 24. - Cá nhân, tổ chức Nhà nước được tác giả chuyển giao hoặc được thừa kế quyền tác giả là chủ sở hữu quyền tác giả.

Chủ sở hữu quyền tác giả có quyền chuyển giao một phần hoặc toàn bộ các quyền quy định tại các Khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này. Việc chuyển giao phải thể hiện bằng văn bản.

Chương III

HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG TÁC PHẨM

Điều 25. - Cá nhân, tổ chức khi sử dụng tác phẩm phải ký hợp đồng bằng văn bản với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, trừ các trường hợp sau đây:

1. Sử dụng tác phẩm trong ấn phẩm định kỳ hoặc trong các chương trình phát thanh, truyền hình;
2. Sử dụng tác phẩm theo quy định tại Điều 16 của Pháp lệnh này.

Điều 26. - Hợp đồng sử dụng tác phẩm phải được lập thành văn bản và có những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hình thức sử dụng tác phẩm;
2. Phạm vi, thời hạn sử dụng tác phẩm;
3. Mức nhuận bút và phương thức thanh toán;
4. Trách nhiệm của mỗi bên khi vi phạm hợp đồng.

Những nội dung khác do hai bên thỏa thuận nếu cần.

Điều 27. - Khi thực hiện hợp đồng, tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Yêu cầu hoặc chấp nhận thay đổi nội dung hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm;
2. Khi thời hạn sử dụng tác phẩm chấm dứt, mà cá nhân hoặc tổ chức sử dụng tác phẩm không công bố, phổ biến tác phẩm thì tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả có quyền hủy hợp

đồng và yêu cầu cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm bồi thường thiệt hại;

3. Đối với xuất bản phẩm, khi có yêu cầu tái bản mà cá nhân hoặc tổ chức sử dụng tác phẩm từ chối tái bản thì có quyền chấm dứt hợp đồng và chuyển giao tác phẩm cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng;

4. Chuyển giao tác phẩm cho cá nhân hoặc tổ chức sử dụng tác phẩm đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng, kể cả trường hợp sửa chữa nội dung mà hai bên đã thỏa thuận;

5. Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, không được chuyển giao tác phẩm cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc hai bên có thỏa thuận khác;

6. Phải bồi thường thiệt hại cho cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm do việc thay đổi hoặc vi phạm hợp đồng gây ra.

Điều 28. - Cá nhân hoặc tổ chức sử dụng tác phẩm có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được công bố, phổ biến tác phẩm trong thời hạn hai bên thỏa thuận;
2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng, nếu tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao tác phẩm không đúng thời hạn quy định trong hợp đồng;
3. Không được chuyển giao tác phẩm cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng, nếu không được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;
4. Phải bồi thường thiệt hại cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, khi vi phạm hợp đồng.

Chương IV

QUYỀN CỦA NGƯỜI BIỂU DIỄN, TỔ CHỨC SẢN XUẤT BĂNG ÂM THANH, ĐĨA ÂM THANH, BĂNG HÌNH, ĐĨA HÌNH, TỔ CHỨC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Điều 29. - Người biểu diễn bao gồm cá nhân hoặc tổ chức biểu diễn, người dàn dựng chương trình ca nhạc, chương trình phát thanh, truyền

hình, diễn viên sân khấu, ca sĩ, nhạc trưởng, nhạc công.

Điều 30. - Người biểu diễn có các quyền sau đây:

1. Được giới thiệu tên khi biểu diễn;
2. Được bảo hộ hình tượng biểu diễn không bị xuyên tạc;
3. Cho hoặc không cho người khác phát thanh, truyền hình trực tiếp chương trình biểu diễn của mình tại nơi đang biểu diễn, trừ trường hợp việc phát thanh, truyền hình đó với tính chất tường thuật những sự kiện thời sự hoặc với mục đích sử dụng trong giảng dạy;
4. Cho hoặc không cho người khác ghi âm, ghi hình buổi biểu diễn và làm các bản sao để phổ biến;
5. Được hưởng thù lao từ việc cho sử dụng theo quy định tại các Khoản 3, 4 của Điều này nhằm mục đích kinh doanh.

Điều 31. - Người biểu diễn có nghĩa vụ sau đây:

1. Khi sử dụng tác phẩm chưa công bố của người khác để trình diễn, phải được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả và trả thù lao;
2. Khi sử dụng tác phẩm đã công bố của người khác để trình diễn, không phải xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, nhưng phải trả thù lao.

Điều 32. - Tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình có quyền cho hoặc không cho người khác nhân bản, phát hành sản phẩm của mình và hưởng lợi khi sản phẩm được sử dụng.

Thời hạn bảo hộ các quyền quy định tại Điều này là 50 năm, kể từ ngày băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình được phổ biến lần đầu tiên.

Điều 33. - Tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình khi sử dụng tác phẩm của người khác để sản xuất chương trình phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Đối với tác phẩm chưa công bố, phải ký hợp đồng với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả và trả nhuận bút;

2. Đối với tác phẩm đã công bố, không phải xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, nhưng phải ghi tên tác giả, người biểu diễn, bảo đảm sự toàn vẹn của tác phẩm và trả thù lao;

3. Đối với người biểu diễn, phải ký hợp đồng và trả thù lao.

Điều 34. - Băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình quy định tại Pháp lệnh này bao gồm các loại băng, đĩa về nghệ thuật, trừ phần mềm máy tính.

Điều 35. - Tổ chức phát thanh, truyền hình có các quyền sau đây đối với chương trình phát thanh, truyền hình do mình làm ra:

1. Cho hoặc không cho phát lại chương trình của mình;
2. Cho hoặc không cho làm các bản sao chương trình của mình nhằm mục đích kinh doanh và hưởng lợi khi chương trình đó được thực hiện.

Thời hạn bảo hộ các quyền quy định tại Điều này là 50 năm kể từ ngày chương trình phát thanh, truyền hình được phát lần đầu tiên.

Điều 36. - Tổ chức phát thanh, truyền hình khi sử dụng tác phẩm của người khác để xây dựng chương trình phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Đối với tác phẩm chưa công bố, phải được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả và trả nhuận bút;

2. Đối với tác phẩm đã công bố, không phải xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, nhưng phải ghi tên tác giả, người biểu diễn, bảo đảm sự toàn vẹn của tác phẩm và trả thù lao;

3. Đối với tác phẩm cải biên, chuyển thể, phải trả nhuận bút cho tác giả cải biên, chuyển thể, đồng thời phải trả thù lao cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm gốc.

Điều 37. - Quyền của người biểu diễn, tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, chương trình phát thanh, truyền hình của nước ngoài được công bố phổ biến ở Việt Nam được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HỘ
QUYỀN TÁC GIẢ

Điều 38. - Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về bảo hộ quyền tác giả trong cả nước.

Nội dung quản lý Nhà nước về bảo hộ quyền tác giả bao gồm:

1. Trình dự án luật, pháp lệnh về quyền tác giả;
2. Ban hành các văn bản pháp quy, các chính sách, chế độ về quyền tác giả;
3. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo hộ quyền tác giả;
4. Hợp tác quốc tế về quyền tác giả.

Điều 39. - Bộ Văn hóa-Thông tin phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo hộ quyền tác giả trong cả nước, có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Soạn thảo trình Chính phủ dự án luật, pháp lệnh, văn bản pháp quy về quyền tác giả;
2. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản về bảo hộ quyền tác giả;
3. Đăng ký và quản lý việc bảo hộ quyền tác giả;
4. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo hộ quyền tác giả;
5. Thực hiện hợp tác quốc tế về quyền tác giả.

Điều 40. - Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý Nhà nước về bảo hộ quyền tác giả tại địa phương theo quy định của Chính phủ.

Chương VI

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP,
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. - Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đã đăng ký hoặc nộp đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả có quyền khiếu nại tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc bảo hộ quyền lợi của mình.

Điều 42. - Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả bị người khác xâm phạm quyền tác giả có quyền:

1. Yêu cầu người có hành vi xâm phạm phải chấm dứt hành vi đó, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

2. Yêu cầu cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo pháp luật;

3. Khởi kiện tại Tòa án nhân dân.

Điều 43. - Người nào xâm phạm quyền tác giả quy định tại Pháp lệnh này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 44. - Tranh chấp quyền tác giả có thể được giải quyết tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 45. - Các tranh chấp có yếu tố nước ngoài về bảo hộ quyền tác giả được giải quyết tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. - Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 47. - Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

PHÁP LỆNH Bảo vệ công trình giao
thông.

Để tăng cường quản lý Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh